

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/DS-PT

Ngày 21-6-2018

V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04/5/2018 và ngày 15, 21/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 46/2018/TLPT - DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch B, sinh năm 1948.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch B: Chị Thạch Mai L, sinh năm 1971. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 68, đường THD, Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Văn Phước M, sinh năm 1962 (chết 17/5/2018).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963.

Chị Văn Thị Thùy D, sinh năm 1989.

Chị Văn Thị Kim T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 01, đường PĐG, Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Văn Thị Mộng H, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Số 226, ấp HA, xã HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Bà Bạch Thị B1, sinh năm 1934.

Địa chỉ cư trú: Số 10/1, đường PĐG, Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà B1, chị H: Chị Văn Thị Kim T, sinh năm 1991. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2018, 20/6/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Chị Văn Thị Kim T, sinh năm 1991. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 01, đường PĐG, Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Văn Thị Thùy D, sinh năm 1989.

Cháu Văn Minh T1, sinh năm 2011.

Cháu Văn Minh P, sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp của Văn Minh T1, Văn Minh P: Chị Văn Thị Thùy D, sinh năm 1989 (mẹ ruột). Là người đại diện theo pháp luật.

Chị Văn Thị Kim T, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 01, đường PĐG, Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Văn Phước M là bị đơn.

Chị L, chị T, chị D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Thạch B, ông B ủy quyền cho chị Thạch Mai L trình bày:*

Vào năm 1972, ông B có nhận chuyển nhượng của ông P1, bà L1 diện tích đất ngang 6m, dài 40m (mặt tiền giáp đường THD, mặt sau giáp đường PH), cấp theo đường PĐG, phường 4, thành phố CL. Tiếp giáp đất ông B là bà Nguyễn Kim T2, ranh giới giữa ông B và bà T2 là 01 cái ao (hầm) ngang 5,2m,

ông B và bà T2 tranh chấp với nhau, ngày 27/12/1996 được Ủy ban nhân dân (UBND) phường 4 hòa giải hai bên thống nhất chia đôi cái hầm, mỗi người một phần với chiều ngang 2,6m, dài 40m, do đó đất ông B có chiều ngang tổng cộng 8,6m, dài 40m. Hộ ông M có diện tích đất liền kề với đất ông B. Vào khoảng năm 1987 ông M đã xây nhà ngang 3,5m, dài 07m, đến năm 2006 ông M sửa chữa căn nhà đã xây lấn chiếm sang đất của ông B chiều ngang 3,5m, chiều dài 2,5m, diện tích 8,75 m². Ông B yêu cầu UBND phường 4 hòa giải vào ngày 10/11/2006, tại buổi hòa giải ông B đồng ý cho ông M tiếp tục sử dụng phần đất tranh chấp, ông M cam kết khi nào có quy hoạch ông sẽ di dời, nếu trúng quy hoạch tiền bồi hoàn do ông B nhận, ông M công nhận diện tích đất 8,75m² là thuộc quyền sử dụng của ông B và UBND phường 4 ra Quyết định công nhận hòa giải thành tại Quyết định số: 14/QĐ-UB, ngày 08/02/2007. Sau đó ông B đăng ký quyền sử dụng đất thì ông M xác định vị trí diện tích đất 8,75m² không đúng. Năm 2014 ông M tổ chức đám cưới cho con có dựng tạm mái che lấn qua phần đất còn lại của ông B tổng diện tích 29,7 m² (trong đó có diện tích 8,75 m² nêu trên), sau đó chiếm sử dụng đến nay.

Do phần đất có tranh chấp, nên ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp nêu trên là tài sản cá nhân của ông B.

Nay chị L đại diện ông B xác định yêu cầu ông M, bà Đ, chị D, chị T, Văn Minh T1, Văn Minh P di dời tài sản là một phần nhà chính và máy che trả lại cho ông B diện tích đất 29,7m² theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố CL, đất thuộc thửa số 691, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại Phường 4, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Văn Phước M, ông M ủy quyền cho chị T trình bày:

Vào khoảng năm 1988, ông Văn Minh C có cho ông M một nền nhà diện tích ngang 3,5m, dài 07m. Sau khi nhận đất ông M xin UBND phường 4 dựng căn nhà cột gỗ, mái lợp lá chiều ngang 3,5m, dài 07m trên phần đất ông C cho. Đến năm 2000 do nước ngập nên ông M nâng nền nhà lên đổ bê tông và sử dụng cho đến nay, trong quá trình nâng nền nhà có nở rộng ra nên diện tích nhà hiện nay lớn hơn so với hiện trạng ban đầu. Phần đất từ vách nhà ông M đến đường PDG, trước đây là cái hầm của ông Lê Ngọc H, ông H hiến đất cho Nhà nước làm trường học. Năm 1997, Nhà nước làm đường THD, nên ông M bồi đắp cái hầm này và sử dụng đến nay, sau khi bồi đắp hầm ông M có dựng mái che gắn liền với nhà chính, phần mái che dùng để đậu xe và chất dừa bán.

Ngày 10/11/2006, Ban nhân dân khóm 1, phường 4 có hòa giải tranh chấp

đất giữa ông B và ông M, tại buổi hòa giải ông M có thừa nhận sử dụng phần đất của ông B chiều ngang 3,5m, dài 2,5m, diện tích 8,75 m² và thỏa thuận nếu trúng quy hoạch thì ông M không nhận tiền bồi hoàn, do có quan hệ bà con nên thỏa thuận như vậy, sau đó được UBND phường 4 ra Quyết định công nhận hòa giải thành, vị trí diện tích đất 8,75 m² tính từ mé đường PDG đo vào 2,5m, không phải tính từ vách nhà ông M đo vào như chị L trình bày.

Năm 2012 ông M có đăng ký quyền sử dụng đất, có làm biên nhận nhưng bị mất, đến năm 2014 ông M đăng ký quyền sử dụng đất lại tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố CL, nhưng do đất tranh chấp với ông B nên không được cấp quyền sử dụng. Những người trong hộ sinh sống trên đất hiện nay gồm có: Ông M, bà Đ, chị Thùy D, chị T, Văn Minh P, Văn Minh T1.

Trên diện tích đất tranh chấp có một phần là máy che của ông M và một phần lối đi, gia đình ông M sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1988 đến nay. Năm 2014 Nhà nước mở đường PH 2 giáp với nhà phụ, nên gia đình ông M thường xuyên sử dụng lối đi từ nhà phụ ra đường PH 2.

Do ông B (chị L đại diện) xác định sai vị trí diện tích đất 8,75 m² mà ông M thỏa thuận sử dụng đất của ông B. Chị T đại diện ông M không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, chị Văn Thị Thùy D, Văn Minh P, Văn Minh T1 trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày của chị T và không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông B.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL đã xử:

- Chấp nhận phần yêu cầu của ông Thạch B (chị L đại diện), yêu cầu ông M, bà Đ, chị D, chị T, Văn Minh T1, Văn Minh P di dời tài sản trả lại cho ông B diện tích đất 21,1m² trong phạm vi các mốc 1, 3, C, 11, 10 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2017, thẩm định bổ sung ngày 12/12/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) thành phố CL, đất thuộc thửa số 691, tờ bản đồ số 7, tọa lạc phường 4, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Buộc ông Văn Phước M, bà Nguyễn Thị Đ, chị Văn Thị Thùy D, chị Văn Thị Kim T, Văn Minh T1, Văn Minh P di dời tài sản trên đất trả cho ông Thạch B diện tích đất 21,1m² trong phạm vi các mốc 1, 3, C, 11, 10 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2017, thẩm định bổ sung ngày

12/12/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) thành phố CL, đất thuộc thửa số 691, tờ bản đồ số 7, tọa lạc phường 4, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp (trên đất tranh chấp có mái che khung gỗ, mái lợp tole của ông M).

- Ông Thạch B có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 21,1m² nêu trên.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc ông M, bà Đ, chị D, chị T cùng liên đới trả cho ông Thạch B số tiền 2.246.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 100.000 đồng, theo biên lai số 08707, ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, Đồng Tháp, ông B phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng. Buộc ông M, bà Đ, chị D, chị T liên đới chịu số tiền 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 02 năm 2018, ông Văn Phước M có đơn kháng cáo không đồng ý trả lại diện tích 21,1m² thửa 691, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Phường 4, thành phố Cao Lãnh cho ông Thạch B và không đồng ý bồi hoàn 2.246.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc phần đất của ông Thạch B là của ông Đoàn Văn P1 và bà Võ Thị L1 chuyển nhượng cho ông Thạch B và vợ là bà Văn Thị N1 vào năm 1972 ngang 6m, dài 40m việc chuyển nhượng có làm giấy tay, phần còn lại là con mương ngang khoảng khoảng 5,2m ông P1 và bà L1 cho ông B sử dụng. Ông Thạch B và bà N1 quản lý sử dụng đến 1996 giữa ông B và bà Nguyễn Kim T2 xảy ra tranh chấp con mương tiếp giáp giữa đất của ông B và bà T2. Qua hòa giải hai bên thống nhất chia đôi con mương, nên theo ông Thạch B phần đất của ông có chiều ngang là 8,6m.

[2] Nguồn gốc đất của ông Văn Phước M là của ông Lê Ngọc H hiến cho Nhà nước làm trường học vào khoản năm 1980-1982, sau đó ông Văn Minh C

là anh ruột của ông M tự chiếm 1 phần để làm nhà ở, năm 1987 ông C cho lại ông M, năm 1988 ông M có đơn xin cất nhà ngang 3,5m, dài 7m trên phần đất của ông C, được Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố CL chấp thuận. Theo chị T phần đất tranh chấp là của ông H trước đây là con mương trong quá trình sử dụng gia đình chị san lấp để mở lối đi ra đường PĐG, nên không đồng ý trả lại cho ông B.

[3] Trong quá trình sử dụng năm 2006 giữa ông B và ông M có xảy tranh chấp, chính quyền địa phương tiến hành hòa giải hai bên thống nhất là ông B đồng ý cho ông M tiếp tục sử dụng phần đất ngang 3,5m, dài 2,5m, diện tích $8,75m^2$, nhưng ông M không được đăng ký quyền sử dụng đất, không được chuyển nhượng cho người khác. Phần đất $8,75m^2$ theo chị L là tính từ mé nhà trước của ông M đo vào là 2,5m, còn về phía chị T cho rằng chiều dài 2,5 tính từ mé đường PĐG đo vào. Nhưng theo lời khai của ông Nguyễn Văn M1 và ông Đỗ Công D1 là những người tiến hành hòa giải (năm 2006), xác định phần đất tranh chấp ngay mé cửa nhà trước của ông M đo hướng ra đường PĐG, nên lời khai của chị L và chị T có sự mâu thuẫn với Ban hòa giải. Theo biên bản thẩm định ngày 08/01/2018 thì từ mé nhà chính của ông M đến đường PĐG có chiều dài là 5,9m.

[4] Phần đất của ông B, năm 2013 ông B có tranh chấp với ông Lê Tấn H1 là con của ông Lê Ngọc H. Ngày 28/12/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 420/QĐ-UBND-NĐ về việc công nhận hòa giải thành giữa ông Thạch B với ông Lê Tấn H1 mỗi người được sử dụng phần đất có diện tích $49,1m^2$. Theo chị L phần đất $49,1m^2$ ông B đã hiến cho Nhà nước một phần để làm con đường PH 2. Phần còn lại ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/4/2016 diện tích $24,6m^2$, thửa 694.

[5] Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2018 anh Phan Văn Đ1 xác định: Trước năm 2000 anh Đ1 có chuyển nhượng đất của ông B gồm 2 phần: Phần phía trước ngang 4m, dài 17m, nối tiếp phía sau dài 6m, ngang 8m (hình chữ L), đến năm 2015 anh Đ1 chuyển nhượng toàn bộ phần đất lại cho anh Đỗ Thanh T3, sau đó anh T3 chuyển nhượng toàn bộ phần đất lại cho bà N. Anh Đ1 xác định phần đất anh Đ1 chuyển nhượng của ông Thạch B, chiều ngang mặt sau một phần tiếp giáp với đất ông Thạch B, một phần tiếp giáp đất của ông M và anh Đ1 xác định sơ đồ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 30/12/2013 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đúng với hiện trạng phần đất của anh Đ1 chuyển nhượng của ông Thạch B trước đây.

[6] Theo sơ đồ hiện trạng phần đất tranh chấp của ông Thạch B ngày 30/12/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng thành phố CL (BL60), thì phần đất của ông Thạch B, chiều dài từ vỉa hè đường THD đến đường PH 2 (kể cả chiều ngang đất của ông M đang quản lý sử dụng đến phần đất ông B được cấp quyền sử dụng thửa 694) là 31,12m (4,9m + 17m + 6m + 3,22m), thì chiều dài phần đất của ông B cũng chưa đủ 40m. Phần đất tranh chấp tiếp giáp nằm giữa đất bà N và thửa 694 của ông B.

Như vậy, chứng tỏ phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Thạch B. Án sơ thẩm buộc ông M, bà Đ, chị T, chị D trả phần đất từ mé vỉa hè đường PDG đến mé nhà trước của ông M có diện tích 21,1m² là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M.

[7] Đối với việc ông M kháng cáo không đồng ý nộp tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

...

1/. Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

Vì thế, việc ông M kháng cáo không đồng ý nộp tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá là không có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, xét kháng cáo của ông M là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Văn Phước M (chết), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, chị Văn Thị Thùy D, chị Văn Thị Kim T, chị Văn Thị Mộng H và bà Bạch Thị B1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL đã xử:

- Chấp nhận phần yêu cầu của ông Thạch B (chị L đại diện), yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Văn Phước M gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, chị Văn Thị Thùy D, chị Văn Thị Kim T, chị Văn Thị Mộng H, bà Bạch Thị B1 và Văn Minh T1, Văn Minh P di dời tài sản trả lại cho ông B diện tích đất 21,1m².

- Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, chị Văn Thị Thùy D, chị Văn Thị Kim T, chị Văn Thị Mộng H, bà Bạch Thị B1 và Văn Minh T1, Văn Minh P di dời tài sản trên đất trả cho ông Thạch B diện tích đất 21,1m² trong phạm vi các mốc 1, 3, C, 11, 10 về mốc 1 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2017, thẩm định bổ sung ngày 12/12/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) thành phố CL, đất thuộc thửa số 691, tờ bản đồ số 7, tọa lạc phường 4, thành phố CL, Đồng Tháp (trên đất tranh chấp có mái che khung gỗ, mái lợp tole của ông M).

- Ông Thạch B có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 21,1m² nêu trên.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc ông M, bà Đ, chị D, chị T cùng liên đới trả cho ông Thạch B số tiền 2.246.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 100.000 đồng, theo biên lai số 08707, ngày 11/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, Đồng Tháp, ông B phải nộp tiếp số tiền 200.000 đồng.

Bà Đ, chị D, chị T, chị H, bà B1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án

phí dân sự phúc thẩm của ông M là 300.000 đồng theo biên lai số 04909 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL được trừ vào tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND TP.CL;
- CCTHADS TP.CL;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (B).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Tấn Tạng**